

Số: 77 /QĐ-UBND

Minh Tân, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách xã quý I
Năm 2021 của xã Minh Tân**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 30/12/ 2020 của UBND huyện Nam Sách. Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán Thu- Chi ngân sách xã năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 29/12/ 2020 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Thu- Chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của công chức Tài chính ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách xã quý I năm 2021 của xã Minh Tân (Có biểu chi tiết kèm theo).

Thời gian công khai: Từ ngày 31/03/2021 đến ngày 30/4/2021

Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã và thông báo trên loa truyền thanh của xã;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng - Thống kê, công chức Tài chính ngân sách xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện (Đề BC);
- Lãnh đạo UBND – TT. HĐND xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Lưu: VT.



Nguyễn Khắc Hưng

CÁN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số 1.1./QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	So sánh (%)
A	B	I	2	3=2/1
I	Tổng số thu	5.840.400	12.357.145	211,58
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	95.000	9.961.965	10486,28
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.595.900	779.173	48,82
3	Thu bổ sung	4.149.500	1.214.050	29,26
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	3.861.300	1.214.050	31,44
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	288.200		
4	Thu chuyển nguồn		401.957	100,00
II	Tổng số chi	5.893.400	7.384.273	125,30
1	Chi đầu tư phát triển	1.500.000	6.485.672	432,38
2	Chi thường xuyên	4.340.400	898.601	20,70
3	Chi dự phòng	30.000		
4	Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021	23.000		
5	Nguồn cải cách tiền lương			

NGƯỜI LẬP

Trịnh Xuân Diệp



Nguyễn Khắc Hưng

Trịnh Xuân Diệp

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			401.957	401.957		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.149.500	4.149.500	1.214.050	1.214.050	29,26	29,26
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.861.300	3.861.300	1.214.050	1.214.050	31,44	31,44
	Thu bổ sung có mục tiêu	288.200	288.200				

NGƯỜI LẬP

[Signature]

Trình Xuân Điệp

TM. UBND XÃ

Chủ tịch



Nguyễn Khắc Hưng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số 44.../QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ		SỐ SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	5.840.400	5.840.400	12.357.145	12.357.145	211,58	211,58
I	Các khoản thu 100%	95.000	95.000	9.961.965	9.961.965	10.486,28	10.486,28
1	Phí, lệ phí	15.000	15.000	8.370	8.370	55,80	55,80
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	50.000	50.000	22.557	22.557	45,11	45,11
3	Thu hỗ trợ Nhà nước thu hồi đất theo quy định (Hỗ trợ đất công điền UBND xã, GPMB XID khu đô thị Bắc cầu Hàn)			9.923.890	9.923.890		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Đóng góp chữa nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
5	Thu khác	30.000	30.000	7.148	7.148	23,83	23,83
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	1.595.900	1.595.900	779.173	779.173	48,82	48,82
1	Các khoản thu phân chia	59.900	59.900	26.419	26.419	44,11	44,11
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.400	6.400				
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.500	3.500	3.600	3.600	102,86	102,86
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000	50.000	22.819	22.819	45,64	45,64
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.536.000	1.536.000	752.754	752.754	49,01	49,01
	Thuế giá trị gia tăng	24.000	24.000	15.734	15.734	65,56	65,56
	Thuế thu nhập cá nhân	12.000	12.000	7.866	7.866	65,55	65,55
	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	1.500.000	729.154	729.154	48,61	48,61

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số 43.../QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	9=6/3
	TỔNG CHI	5.840.400	1.500.000	4.340.400	7.384.273	6.485.672	898.601	126,43	20,70
	Trong đó:								
1	Chi Giáo dục	10.000		10.000	720		720	7,20	7,20
2	Chi ứng dụng, CGCN								
3	Chi y tế								
4	Chi văn hoá, thông tin	16.300		16.300	2.795		2.795	17,15	17,15
5	Chi phát thanh, truyền thanh	47.100		47.100	10.133		10.133	21,51	21,51
6	Chi thể dục thể thao	46.300		46.300					
7	Chi bảo vệ môi trường	16.300		16.300					
8	Chi các hoạt động kinh tế (GT)	1.385.900	1.350.000	35.900	3.885.672	3.885.672		280,37	287,83
9	Chi dân quân tự vệ	322.500		322.500	61.982		61.982	19,22	19,22
10	Chi an ninh trật tự	118.020		118.020	30.324		30.324	25,69	25,69
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.472.367		3.472.367	3.352.396	2.600.000	752.396	96,54	21,67
12	Chi công tác xã hội	192.613		192.613	40.251		40.251	20,90	20,90
13	Chi khác	10.000		10.000					
14	Dự phòng ngân sách xã + VDT	180.000	150.000	30.000					
15	Tiết kiệm chi thường xuyên năm 20	23.000		23.000					

NGƯỜI LẬP

[Signature]

Trịnh Xuân Diệp

TM. UBND XÃ

Chủ tịch

[Signature]

Nguyễn Khắc Hưng

